TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/DS-ST
Ngày: 05/9/2023
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Út

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-DS, ngày 31/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2023/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**;

Trụ sở: Số 266-268, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP A: **Bà Nguyễn Đức Thạch D**; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: **Ông Cao Hồng S**; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Vĩnh Long;

Địa chỉ: Số 35B, đường 3/2, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long *(Theo văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP A)*.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao Hồng S: **Chị Đoàn Thị Bích T** – Chuyên viên KHCN - Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Vĩnh Long (Có mặt);

Địa chỉ: Số 35B, đường 3/2, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long *(Theo giấy ủy quyền ngày 29/3/2023 của Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh Vĩnh Long)*.

Bị đơn: Chị **Trương Đặng Thanh T**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 148, khóm 1, thị trấn L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là TMCP) A có chị Đoàn Thị Bích T trình bày:

Ngày 11/6/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần A có ký với chị Trương Đặng Thanh T Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1283911 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị T thì Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, số thẻ là 356480 – 2853, lãi suất tại thời điểm mở thẻ là 2,5%/tháng (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ của Ngân hàng), lãi quá hạn là 3,75%/tháng, thời hạn sử dụng thẻ đến tháng 06/2022, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân.

Quá trình giao dịch được thể hiện chi tiết trên bản sao kê, thứ tự thanh toán thẻ tín dụng căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng chị T không có thiện chí trả nợ. Do chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 26 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/9/2022 Ngân hàng đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần liên hệ chị T cùng tìm hướng giải quyết khoản vay nhưng chị T cố tình không hợp tác.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu chị Trương Đặng Thanh T trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 20/6/2023 là 22.698.319 đồng (trong đó vốn là 16.740.746 đồng, lãi quá hạn là: 5.957.573 đồng), và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 21/6/2023 cho đến khi chị T thanh toán xong số nợ vay theo quy định;

Buộc chị Trương Đặng Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Trương Đặng Thanh T đã được Tòa án niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2023 là 24.374.070 đồng trong đó nợ gốc là 16.740.746 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.633.324 đồng, và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 06/9/2023 cho đến khi chị T thanh toán xong số nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 1283911, ngày 11/6/2019 đã ký kết với Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bị đơn chị Trương Đặng Thanh T cư trú tại khóm 1, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Bị đơn chị Trương Đặng Thanh T đã được Tòa án niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm Hợp đồng ngày 11/6/2019 giữa chị T với Ngân hàng Thương mại cổ phần A thể hiện Ngân hàng có cấp thẻ tín dụng cho chị T với hạn mức thẻ tín dụng số tiền là 15.000.000 đồng.

Đối chiếu với Bản tóm tắt sao kê chi tiết giao dịch của chị T có số chứng minh nhân dân 331730890, số thẻ là 356480 – 2853 là tài liệu chứng cứ do Ngân hàng Thương mại cổ phần A cung cấp thể hiện chị T đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 16.445.800 đồng, các khoản phí là 2.486.573 đồng, lãi là 21.803.197 đồng, trừ số tiền 17.659.500 đồng chị T đã thanh toán thì số tiền nợ gốc chị T còn lại là 16.740.746 đồng. Từ ngày 22/9/2022 chị T không thanh toán tiền nên căn cứ vào thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều 26 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc 16.740.746 đồng sang nợ quá hạn.

Lãi suất trong hạn áp dụng khi cấp thẻ là 2,5%/tháng, khi phát sinh quá hạn, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì: *"Tổ chức tín dụng và khách*

hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất", vì vậy lãi suất giữa Ngân hàng và chị T thỏa thuận là phù hợp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Chị T đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy bị đơn chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T thanh toán số tiền tính đến ngày 05/9/2023 nợ gốc là 16.740.746 đồng và tiền lãi quá hạn là 7.633.324 đồng, tổng nợ gốc và lãi là 24.374.070 đồng và tiếp tục trả lãi và phí phát sinh tính từ ngày 06/9/2023 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được Tòa án chấp nhận, nên chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.218.700 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

1. Buộc chị Trương Đặng Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 05/9/2023 là 24.374.070 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, không trăm bảy mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 16.740.746 đồng (Mười sáu

triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng), lãi quá hạn là: 7.633.324 đồng (Bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng).

Ngoài ra chị Trương Đặng Thanh T phải tiếp tục trả lãi và phí phát sinh tính từ ngày 06/9/2023 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/6/2019 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2. Về án phí:

Bị đơn chị Trương Đặng Thanh T phải nộp 1.218.700 đồng (Một triệu, hai trăm mười tám nghìn, bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 519.000 đồng (Năm trăm mười chín nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004893 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Ngô Thị Mai Ka